ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 215 /BC-UBND	*Đắk Lắk, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện sự phân công chuẩn bị, theo dõi, chỉ đạo nội dung phục vụ Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình) như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

a) Văn bản quy phạm pháp luật

HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia[1]; Chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quy định hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025[2]; Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025[3].

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng[4].

b) Văn bản quản lý, điều hành

UBND tỉnh ban hành Quyết định chỉ tiêu, kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025[5] và các năm 2022, 2023, 2024, 2025 thực hiện Chương trình trên địa

---

[1] Nghị quyết: số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; số 30/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022

[2] Nghị quyết: số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023; số 02/2024/NQ-HĐND ngày 03/5/2024; số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26/4/2025

[3] Nghị quyết: số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; số 10/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024

[4] Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023; số 40 /2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023

[5] Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 29/08/2022; số 1109/QĐ-UBND ngày 16/9/2022

bàn tỉnh và các Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 12-CTr/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030"[6]; Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025[7]; Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025[8]; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025[9]; Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021- 2025[10]; Kế hoạch hỗ trợ huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025[11].

2. Công tác truyền thông, thông tin về Chương trình

UBND tỉnh đã chỉ đạo phổ biến, quán triệt, triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 đến các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cơ quan, đơn vị để xác định rõ các nhiệm vụ, nội dung chủ yếu của Chương trình làm cơ sở tham mưu, giải quyết các chế độ, chính sách nhằm không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an sinh xã hội cho người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, nhất là hộ nghèo về mục tiêu giảm nghèo bền vững, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội; khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của chính quyền, người nghèo; từ đó tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước để thoát nghèo, vươn lên khá giả; phát động phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Đắk Lắk đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 17/11/2022 và Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 11/8/2022 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025. Thông

---

[6] Kế hoạch số 11084/KH-UBND ngày 10/11/2021

[7] Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 15/7/2022

[8] Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 26/8/2022; số 164/KH-UBND ngày 09/9/2022

[9] Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 29/8/2022; số 146/KH-UBND ngày 03/8/2022

[10] Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 17/11/2022; số 151/KH-UBND ngày 11/8/2022

[11] Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 03/4/2023

qua đó, hằng năm, các cơ quan chuyên môn thường xuyên triển khai hệ thống giám sát và đánh giá theo từng nội dung, dự án thành phần của Chương trình để giúp các địa phương theo dõi, quản lý các chỉ tiêu, mục tiêu, số liệu của Chương trình được chi tiết, đảm bảo chính xác thông tin. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân nguồn vốn, góp phần thực hiện Chương trình đảm bảo đúng quy định.

- Đối với công tác rà soát hộ nghèo: Hằng năm, UBND tỉnh đều chỉ đạo tổ chức rà soát, phúc tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử

Thực hiện và chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử đầy đủ theo quy định. Giai đoạn 2021 - 2024, UBND tỉnh Đắk Lắk đã chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử gồm: 02 cuộc giám sát của Quốc hội và 01 cuộc giám sát của Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

II. HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Phân bổ nguồn lực

- Tổng vốn ngân sách nhà nước phân bổ: 1.647.668 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.504.499 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 613.788 triệu đồng; sự nghiệp 890.711 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 143.169 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 62.000 triệu đồng; sự nghiệp 81.169 triệu đồng).

- Vốn huy động: 130.662 triệu đồng.

2. Quản lý và sử dụng nguồn lực (tính đến 31/01/2026)

- Tổng giải ngân ngân sách nhà nước: 1.368.028 triệu đồng/1.647.668 triệu đồng, tỷ lệ 83,03% kế hoạch vốn; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: giải ngân 1.248.845 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 559.458 triệu đồng; sự nghiệp 689.387 triệu đồng), tỷ lệ 83,01%.

+ Ngân sách địa phương giải ngân 119.183 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 50.412 triệu đồng; sự nghiệp 68.711 triệu đồng), tỷ lệ 83,25%.

- Vốn huy động: 130.662 triệu đồng.

(Có Phụ lục I kèm theo)

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

a) Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

+ Năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,30%; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,36%.

+ Giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,49%/năm, từ 10,09% cuối năm 2021 với 76.688 hộ xuống còn 4,13% cuối năm 2025 với 34.411 hộ, đạt mục tiêu (kế hoạch 1,1-1,5%); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân 3,76%/năm, từ 27,49% cuối năm 2021 với 46.840 hộ xuống còn 12,44% cuối năm 2025 với 22.717 hộ, đạt và vượt mục tiêu (kế hoạch 2,25-2,75%).

+ 50% huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đạt mục tiêu (kế hoạch 50%).

+ Tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 giảm bình quân 6,75%/năm, từ 44,93% cuối năm 2021 xuống còn 24,69% cuối năm 2024, đạt và vượt mục tiêu đề ra (kế hoạch 4,0-5,0%/năm); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm bình quân 5,75%, từ 61,68% cuối năm 2021 xuống còn 38,67% cuối năm 2024.

b) Chỉ tiêu đối với huyện phấn đấu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (huyện M'Drắk)

- Tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều) giảm bình quân 7,67%/năm, từ 60,12% cuối năm 2021 xuống còn 37,11% cuối năm 2024, đạt và vượt mục tiêu đề ra (kế hoạch 6,0-7,0%/năm).

- Quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 là 64,02% (đầu kỳ 23.570 hộ, cuối năm 2024 còn 15.090 hộ), đạt và vượt mục tiêu đề ra (kế hoạch 60%).

- Đến năm 2025, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc phạm vi Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu tăng 1,65 lần so với năm 2020 (năm 2020 là 18,5 triệu đồng/người/năm đến năm 2025 dự kiến 30,6 triệu đồng/người/năm, tăng 1,65 lần so với năm 2020), không đạt mục tiêu đề ra (kế hoạch tăng 1,8 lần so với năm 2020).

(Có Phụ lục II kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình

a) Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Ngân sách Trung ương: 619.429 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 522.404 triệu đồng; sự nghiệp 97.025 triệu đồng), giải ngân 560.013 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 470.199 triệu đồng; sự nghiệp 89.814 triệu đồng); ngân sách địa phương: 63.150 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 54.000 triệu đồng; sự nghiệp 9.150 triệu đồng), giải ngân 51.913 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 43.118 triệu đồng; sự nghiệp 8.795 triệu đồng.

- Số công trình được đầu tư 112 công trình, trong đó: 20 công trình đầu tư mới và chuyển tiếp, 92 công trình duy tu bảo dưỡng.

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Ngân sách trung ương: 282.576 triệu đồng (vốn sự nghiệp), giải ngân 234.708 triệu đồng; ngân sách địa phương: 16.346 triệu đồng, giải ngân 14.711 triệu đồng; vốn huy động khoảng 27.711 triệu đồng, giải ngân 27.711 triệu đồng.

- Số mô hình giảm nghèo 669 mô hình, gồm các mô hình chăn nuôi, phi nông nghiệp, trồng trọt; số hộ tham gia 8.117 hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khuyết tật, hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- Ngân sách trung ương: 149.483 triệu đồng (vốn sự nghiệp), giải ngân 109.016 triệu đồng; ngân sách địa phương: 10.053 triệu đồng, giải ngân 8.308 triệu đồng; vốn huy động khoảng 24.187 triệu đồng, giải ngân 24.187 triệu đồng.

- Số mô hình giảm nghèo 386 mô hình, gồm các mô hình chăn nuôi, phi nông nghiệp, trồng trọt; số hộ tham gia 5.296 hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khuyết tật, hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

- Triển khai tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế xã, cộng tác viên y tế thôn buôn cho các xã, thị trấn; mua sắm cân, thước đo cấp cho các xã, thị trấn thực hiện cân đo nhân trắc; tổ chức khảo sát 17.540 trường hợp trẻ em dưới 16 tuổi, theo dõi đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ; cấp vi chất dinh dưỡng bổ sung cho 380 trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo; tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho 459 trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi; triển khai thực hiện truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn về dinh dưỡng học đường, chăm sóc dinh dưỡng hợp lý, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ có con dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai và cho con bú. Thực hiện khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em từ 0 đến dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên toàn tỉnh 4.111 trẻ; trẻ em từ 5 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên toàn tỉnh 18.725 trẻ.

d) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Ngân sách Trung ương: 228.892 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 91.384 triệu đồng; sự nghiệp 137.508 triệu đồng), giải ngân 175.778 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 89.259 triệu đồng; sự nghiệp 86.519 triệu đồng); ngân sách địa phương: 14.054 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 8.000 triệu đồng; sự nghiệp 6.054 triệu đồng), giải ngân 12.238 triệu đồng (trong đó: đầu tư phát triển 7.294 triệu đồng; sự nghiệp 4.944 triệu đồng).

- Triển khai đầu tư 03 công trình (vốn đầu tư phát triển) cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp Đắk Lắk; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (Trường Cao đẳng Đắk Lắk) và mua sắm trang thiết bị Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (Trường Cao đẳng Đắk Lắk).

- Tổ chức 160 lớp đào tạo nghề lao động nông thôn cho 4.869 người; tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thu thập thông tin thị trường lao động; tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh các huyện, thị xã thành phố về các chính

sách đào tạo nghề, in 932 cuốn tài liệu tiếng dân tộc thiểu số về các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cấp phát cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, và thôn/buôn. Thông tin tuyên truyền qua báo chí gồm các tin, bài về các chính sách, các hoạt động về đào tạo nghề; tuyên truyền thông qua áp phích, băng rôn.... Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, tư vấn về khởi nghiệp cho 2.410 học sinh, sinh viên và nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các trường trung cấp, cao đẳng thực hiện sửa chữa, mua sắm máy móc thiết bị đào tạo nghề.

- Hỗ trợ 10 học viên tham gia khóa đào tạo chứng chỉ để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về hỗ trợ việc làm; tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động tỉnh hằng năm; tập huấn cho cán bộ các cấp về tổ chức thu thập và cập nhật thông tin về người lao động. Kết hợp giữa các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ cho vay vốn, các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng vượt qua khó khăn và chủ động của người lao động, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 100.920 người lao động.

- Tiến hành thu thập dữ liệu Việc tìm Người – Người tìm Việc. Tổng số người sử dụng lao động có nhu cầu tìm lao động được thu thập, cập nhật thông tin 29 đơn vị; trong đó đối tượng được thu thập, cập nhật doanh nghiệp 29 đơn vị. Tổng số người lao động có nhu cầu tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin 27.925 người, trong đó số đối tượng là lao động nữ: 14.176 người.

- Tổ chức 52 phiên giao dịch việc làm tại các xã, cụm xã trên địa bàn tỉnh; tăng cường phổ biến thông tin thị trường lao động, hỗ trợ kết nối việc làm phù hợp. Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm là 3.169 lao động, trong đó lao động nữ là 1.899 lao động.

- Tổ chức ngày hội việc làm với sự tham gia của 20 đơn vị doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh với hơn 1.000 vị trí việc làm đa dạng trên nhiều lĩnh vực nhằm tạo cầu nối giữa người lao động và các doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết việc làm.

- Tư vấn cho hơn 14.000 lao động; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, tư vấn xuất khẩu lao động cho gần 600 người; thu thập nhu cầu tuyển dụng lao động của 303 đơn vị doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh để tư vấn, cung cấp thông tin thị trường lao động.

e) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- Ngân sách trung ương: 137.940 triệu đồng (vốn sự nghiệp), giải ngân 115.391 triệu đồng; ngân sách địa phương: 34.485 triệu đồng, giải ngân 28.338 triệu đồng; vốn huy động 78.764 triệu đồng, giải ngân 78.764 triệu đồng.

- Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở 3.458 hộ (xây mới 2.291 hộ, sửa chữa 1.167 hộ), đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m^2, “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

f) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Ngân sách trung ương: 34.172 triệu đồng (vốn sự nghiệp), giải ngân 23.040 triệu đồng; ngân sách địa phương: 4.411 triệu đồng, giải ngân 3.244 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội, với nhiều hình thức truyền thông khác nhau như phát thanh và truyền hình (tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số); báo giấy, báo điện tử[12]…; nâng cấp 2 Đài truyền thanh, mở rộng 50 Cụm thu phát thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông ở xã Krông Jing và xã Ea Trang thuộc huyện M'Drắk; đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho 02 xã Ea Sô, huyện Ea Kar và Ea R'bin, huyện Lắk; sửa chữa, nâng cấp đài truyền thanh xã; đầu tư các điểm truy cập thông tin cộng đồng cho người dân xã đặc biệt khó khăn; xây dựng đài truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất cho Đài truyền thanh 05 Xã đặc biệt khó khăn nâng cấp, chuyển đổi công nghệ (từ hệ thống đài truyền thanh sang đài ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông) và tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho 12 xã đặc biệt khó khăn; sửa chữa loa, đài, thùng loa và hệ thống wifi cho các trụ sở thôn, buôn, khu phố và tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách truyền thông trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện tuyên truyền các chủ trương, chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến các đối tượng của Chương trình thông qua hình thức như Phát thanh, báo chí, băng rôn, tu sửa pa nô, cụ thể: Sản xuất và phát sóng 02 Chương trình phát thanh đến tận thôn, buôn, tổ dân phố về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; sản xuất và phát sóng 23 Chương trình truyền hình về chương trình giảm nghèo bền vững, 73 bài báo, ảnh, 155 tin bài; 4.000 băng rôn; tu sửa 44 pa nô.

g) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- Ngân sách trung ương: 52.007 triệu đồng (vốn sự nghiệp), giải ngân 30.889 triệu đồng; ngân sách địa phương: 670 triệu đồng, giải ngân 431 triệu đồng.

- Tổ chức 67 lớp tập huấn về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho 8.662 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; 191 lớp tập huấn nâng cao năng lực về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho 28.609 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; tổ chức 28 đoàn học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức 95 đoàn kiểm tra, giám sát tại một số địa phương về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

---

[12] Cụ thể: Xây dựng 04 Chương trình truyền hình tiếng phổ thông; 04 Chương trình phát thanh tiếng phổ thông; 04 Chương trình phát thanh tiếng dân tộc (phiên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Ê đê và tiếng M'nông); xây dựng 05 tin, 03 Phóng sự; Phiên dịch tiếng Ê Đê: 05 tin, 03 Phóng sự; Phiên dịch tiếng M'nông: 05 tin, 03 Phóng sự; xây dựng 12 tin, 12 Phóng sự, 15 ảnh.

Giải quyết cho vay đối với 152.617 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, với doanh số 7.915.948 triệu đồng; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở… cho 121.769 lượt học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, DTTS… với kinh phí thực hiện 400.552 triệu đồng; cấp 5.186.184 lượt thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng khác, với số tiền là 4.292.160 triệu đồng; cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí 512 vụ việc, trong đó có 99 lượt người nghèo và 215 lượt người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; thực hiện 27 đợt truyền thông về TGPL tại 27 xã, trong đó tập trung tại các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn và xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã biên giới trên địa bàn tỉnh với 1.330 người tham dự; hỗ trợ tiền điện cho 290.972 hộ nghèo với số tiền hỗ trợ 180.190 triệu đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả đạt được

- Giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ lớn để cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *"Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới"* và cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh, đã được cụ thể hóa thành Chương trình của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, kế hoạch của UBND các cấp và của từng đơn vị.

- Bên cạnh triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo; các chương trình, dự án khác đã được lồng ghép, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội như: nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, các chính sách dạy nghề, khuyến nông, hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, trợ giúp pháp lý, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Việc bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm bảo đảm thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. Cùng với nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh Đắk Lắk cũng đã cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng để thực hiện Chương trình. Việc bố trí vốn đầu tư phát triển được thực hiện đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN thực hiện Chương trình và đối tượng, địa bàn của Chương trình.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Về cơ chế chính sách: Một số văn bản quy phạm pháp luật địa phương ban hành còn chậm; phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình của tỉnh có năm còn chậm (năm 2022 đến tháng 9/2022 tỉnh mới có Quyết định phân bổ; năm 2025 Trung ương phân bổ từ tháng 3/2025, tháng 4/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường đã dự kiến và đề nghị tỉnh phân bổ, đến tháng 8/2025 tỉnh mới có Quyết định phân bổ).

- Tỷ lệ hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh hiện vẫn còn cao so với mặt bằng chung cả nước do Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa phương còn cao, chủ yếu tập trung ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn (đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 66,02% so với hộ nghèo).

b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Giai đoạn 2021-2025, các văn bản do Trung ương ban hành còn chậm hoặc trong quá trình thực hiện gặp vướng mắc nên có thay đổi làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các địa phương, theo đó hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng các chính sách cũng chậm được thụ hưởng nên nguồn lực đầu tư của Nhà nước chưa phát huy tối đa *(Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành ngày 19/4/2022; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ban hành ngày 24/6/2023; Nghị quyết số 111 /2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thông qua ngày 18/01/2024)*.

+ Tỉnh Đắk Lắk có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống (49 dân tộc), nhiều dân tộc thiểu số di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc, Tây Bắc vào, phần lớn chưa có chỗ ở ổn định, thiếu đất sản xuất và không có sinh kế để thu nhập ổn định nên đời sống còn khó khăn.

+ Trong tỉnh, có nhiều xã có điều kiện tự nhiên, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, tại các xã thuộc các huyện cũ như Ea Súp, Buôn Đôn, M'Drắk, Lắk … hoạt động sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, thiếu vốn đầu tư, việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.

+ Trong năm 2025, thiên tai bất khả kháng xảy ra liên tục, cường độ lớn, trên diện rộng như bão, mưa lũ lịch sử, sạt lở đất, khiến nhiều hộ gia đình mất, hư hỏng nhà cửa, các tài sản khác; năng suất nông nghiệp giảm, chi phí sản xuất tăng và sinh kế của người nghèo thêm bấp bênh, đặc biệt là hộ dân vùng xảy ra thiên tai. Điều này dẫn đến hộ nghèo không thoát nghèo được hoặc có thêm hộ nghèo mới (phát sinh) hoặc hộ cận nghèo rơi vào hộ nghèo (tái nghèo).

+ Do đại dịch Covid 19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đã tác động đến việc triển khai thực hiện và giải ngân nguồn lực thuộc các nội dung Dự án, Tiểu dự án của Chương trình, làm giảm cơ hội thoát nghèo, tăng nguy cơ tái nghèo, ảnh hưởng đến chỉ tiêu giảm nghèo chung của cả giai đoạn 2021 - 2025, từ đó dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo cuối giai đoạn (năm 2025) vẫn còn cao.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền tại một số địa phương cấp huyện chưa quyết liệt, trách nhiệm của một số người đứng đầu các sở, ngành, chính quyền các cấp (cấp huyện, xã cũ) chưa cao trong việc triển khai thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

+ Năm 2025, do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nên chính sách liên quan đến giảm nghèo các địa phương thực hiện triển khai chậm so với các năm (thực hiện chủ yếu sau tháng 7/2025) nên hiệu quả các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo cũng chậm theo.

+ Đội ngũ công chức làm công tác giảm nghèo đa số mới (cán bộ làm công tác giảm nghèo trước đây đã chuyển qua lĩnh vực văn hóa xã hội hoặc lĩnh vực khác), chủ yếu công chức Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế hạ tầng và đô thị thực hiện, mới tiếp cận, chưa thành thạo cách thức triển khai, đôi lúc còn lúng túng nên ảnh hưởng đến tiến độ tham mưu các chính sách liên quan giảm nghèo.

+ Một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số không muốn đi làm xa nhà (ngoài tỉnh, ngoài nước) nên thu nhập thường thấp, khó cải thiện đời sống; tập quán sinh sống nhiều thế hệ trong một hộ gia đình cũng tạo ra áp lực lớn về thu nhập, sinh hoạt.

+ Vẫn còn một số hộ nghèo có tình trạng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước, thiếu ý vươn lên, "không muốn thoát nghèo", Nhà nước hỗ trợ chính sách gì thì hưởng chính sách đó, trong khi giảm nghèo đa chiều cần sự chủ động và tham gia tích cực của người dân.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (QH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thiên Văn